

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93 /2024/HSPT
Ngày 22/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;
Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh HG, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Mí K phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, do có kháng cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh HG.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Vừ Mí K, sinh năm 1999; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CCD, xã GCP, huyện MV, tỉnh HG (CCCD số 002099000519 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/4/2021); nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Vừ Cà X và bà Vừ Thị D; bị cáo có vợ và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không;

- *Nhân thân*: Ngày 29/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh HG xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh HG.

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 4 Trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an (có mặt).

* *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Sùng Mí M, trú tại thôn LTC, xã LT, huyện QB, tỉnh HG là cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh HG (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh HG, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Giàng Mí V đi sang Trung Quốc làm thuê được khoảng 04 tháng, trước khi về, V được ông chủ người Trung Quốc (không rõ tên tuổi, địa chỉ) nói khi về Việt Nam xem ai có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê thì đưa người lao động đến biên giới, ông chủ sẽ cho người đến đón, nếu tìm được ông sẽ trả tiền công 200CNY/01 người, công việc của người lao động là đào hố, bón phân, trồng cây, tiền công là 100CNY/01 ngày, làm tốt thì có thể nhận được 120CNY/1 ngày, ai có nhu cầu sẽ cho ứng trước 2.000CNY đến 3.000CNY, Giàng Mí V đồng ý và lưu số điện thoại của ông chủ người Trung Quốc để liên lạc.

Khoảng tháng 3, tháng 4/2021, Giàng Mí V cùng Vừ Mí K, đã tổ chức cho các công dân cư trú tại các xã KV, NT, huyện MV đi Trung Quốc làm thuê (trong đó: Giàng Mí V cùng Vừ Mí K cùng nhau tổ chức đưa 05 người; Vừ Mí K độc lập liên hệ được 05 người gộp cùng tốp của V, tổng là 10 người; Giàng Mí V độc lập đưa một lần 06 người) cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 03/2021, biết Giàng Mí V thường xuyên đi Trung Quốc làm thuê nên 05 người gồm: Sùng Mí G; Giàng Mí C, năm sinh 2007 (em trai Giàng Mí V), cùng cư trú tại thôn PPA, xã NT; Ly Mí G, trú tại thôn NP, xã NT; Vừ Mí C, năm sinh 2006, trú tại thôn ST, xã KV; Vừ Mí S, năm sinh 2005, trú tại thôn KV, xã KV, huyện MV, đến hỏi về công việc và tiền công lao động ở Trung Quốc. V cho biết công việc ở Trung Quốc là đào hố, bón phân, trồng cây, tiền công là 100CNY/1 ngày, làm tốt thì có thể nhận được 120CNY/1 ngày, nếu có nhu cầu, ông chủ người Trung Quốc sẽ cho ứng trước 2.000CNY đến 3.000CNY, cả 05 người này đồng ý và đề nghị được ứng trước tiền công lao động. Giàng Mí V gọi điện cho ông chủ người Trung Quốc trao đổi thì ông chủ cho biết “sẽ cho ứng, cứ sang làm rồi sẽ gửi tiền ứng về cho gia đình những người này sau” đồng thời hẹn với V “cứ đưa người ra thị trấn MV, sẽ cho người đến đón”. Trước hôm đi một ngày, 05 công dân trên đến nhà V ăn cơm, V thống nhất với họ ngày hôm sau sẽ đưa mọi người đi làm thuê.

Ngày hôm sau, Giàng Mí V đưa 05 người trên xuất phát từ xã NT đến thị trấn MV, khi đi V chở Vừ Mí S, Vừ Mí C; Vừ Mí N (ở cùng thôn với V) chở Ly Mí G; Giàng Mí C (cùng thôn với V) chở Sùng Mí G; Vàng Mí L chở Giàng Mí C. Đến thị trấn MV, sau khi ăn sáng xong, V gọi điện thông báo cho ông chủ người Trung Quốc và được ông chủ hướng dẫn V đưa người lao động ra chợ sẽ có người đến đón. Khoảng 30 phút sau, Vừ Mí K (sinh năm 1999, trú tại thôn CCĐ, xã GCP, huyện MV, là anh em đồng hao với V) đến đón. Khi gặp K hỏi “vừa nãy ông chủ Trung Quốc bảo đón đi làm phải không?”, V nói “đúng rồi”, sau đó Vừ Mí K chở Vừ Mí S lái xe dẫn đường đưa Giàng Mí V cùng 05 công dân trên đi theo hướng vào xã TP, XC, SV, huyện MV. Khi gần đến cầu TH, K chỉ đường cho 05 người lao động đi bộ theo đường mòn xuống bờ sông NQ lội sang bên kia sông trón, khi nào đi K sẽ gọi xe đến đón, còn Giàng Mí V quay về. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, có 02 người đi xe máy (không rõ tên tuổi địa chỉ) đến đón 05 người trên đi thẳng lên gần biên giới xã TP, huyện MV giao lại cho K, K chỉ chỗ bảo những người này trón vào bụi rậm trên rừng, chờ người Trung Quốc đến đón.

Sau khi chỉ cho nhóm 05 người trên đi bộ lội qua sông NQ, K tiếp tục quay lại thị trấn MV đón 05 người ở xã KV, huyện MV gồm: Già Mí C; Ly Thị D; Già Thị D, sinh năm 2007; Ly Mí S, sinh năm 2004; Ly Mí P, sinh năm 2002 cùng trú tại thôn TLT, xã KV, huyện MV là những người K tự liên hệ đưa họ đi lao động ở Trung Quốc để cùng đưa đến địa điểm trốn của nhóm 05 người K đã đón từ chỗ Giàng Mí V, sau đó cùng đưa người lao động vượt biên sang Trung Quốc.

Về 05 công dân K tự liên hệ đưa sang Trung Quốc làm thuê được xác định như sau: Khoảng đầu năm 2021, Vừ Mí K gọi điện rủ Già Mí C đi Trung Quốc làm thuê, công việc là đào hố, bón phân, trồng cây, tiền công là 100CNY/1 ngày, nếu đi thì có thể được ứng trước tiền công lao động, C đồng ý và cho cả vợ là chị Ly Thị D và con gái là Già Thị D đi cùng, ngoài ra có 02 người là Ly Mí P và Ly Mí S ở cùng thôn với C biết việc C đi Trung Quốc làm thuê nên chủ động xin đi làm cùng. Sau khi tìm được 05 người này, K hẹn tập trung tại chợ thị trấn MV, K sẽ đưa đi Trung Quốc làm thuê. Tại thị trấn MV, K hỏi 05 người này có muốn ứng trước tiền công lao động không? 05 người trả lời có, rồi K ghi số tiền muốn ứng của từng người vào một quyển sổ. Sau đó, K bảo 05 người trên chơi ở thị trấn MV đến khi nào lực lượng chức năng không làm việc nữa thì K sẽ đưa đi tiếp. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, K gọi 02 xe ôm đến đưa P và S đi trước, sau đó K cùng hai người xe ôm đó quay lại đón 03 người gia đình C, tiếp tục đưa 05 người này đi theo hướng xã TP, XC, SV đi đến khu vực gần cầu TH rồi chỉ đường cho họ đi bộ theo đường mòn xuống sông NQ lội sang bên kia sông trốn trước để tránh lực lượng chức năng, khi nào đi K sẽ gọi xe đến đón, còn 02 người xe ôm quay lại. Sang bên kia sông nhóm 05 người này trốn ở một bụi cây, đến khoảng 17 giờ thì được K và 01 người đàn ông dân tộc mông khác (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đón đưa đến trốn vào bụi cây ở trên rừng cùng nhóm 05 người đón từ chỗ Giàng Mí V.

Khoảng 20 giờ, K dẫn 10 người lao động đi bộ đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc giao cho chủ người Trung Quốc rồi nhận một tập tiền từ người này. K nói, đây là tiền ứng của người lao động V sẽ đưa cho gia đình họ, sau đó K quay về còn chủ người Trung Quốc đưa 10 người lao động đến nơi làm việc.

Khoảng hơn một tuần sau, ông chủ người Trung Quốc gọi điện cho Giàng Mí V, bảo V đến nhà Vừ Mí K lấy tiền công ứng trước cho những người đi lao động, sau đó V cùng vợ là Hồ Thị M đi sang nhà K, trong khi ăn cơm K đưa cho V 01 tập tiền Trung Quốc, lúc này có V, M, K và vợ K là Hồ Thị L. V nhận từ K 11.500CNY về chia cho Sùng Mí G, Vừ Mí C, Vừ Mí S, Giàng Mí C mỗi người ứng 2000NDT, riêng Ly Mí G được ứng 3.500NDT. (Người đi lao động khai thực tế mỗi người bị trừ 200CNY là tiền xe đưa đến nơi làm việc của người Trung Quốc so với số tiền V khai trên đây).

Đối với Già Mí C, Ly Thị D, Già Thị D, Ly Mí P và Ly Mí S, sau khi đi Trung Quốc làm thuê được một thời gian thì ông chủ người Trung Quốc nói đã đưa tiền ứng cho Vừ Mí K, bảo những người này liên hệ với người nhà đến gặp K nhận tiền. Anh Già Mí C, Ly Thị D, Già Thị D nhờ người nhà là anh Già Mí T (em trai anh C) và Sùng Mí C (anh rể anh C) cùng trú tại thôn TLT, xã KV, huyện MV, liên hệ với Vừ Mí K, được K đưa 8.000CNY tiền ứng, trong đó anh C được ứng 3.000CNY, chị D và cháu D mỗi người được 2.500CNY; Ly Mí P và Ly Mí S được

một người lạ đưa tiền ứng đến cho gia đình (Lúc này S, P đang làm thuê ở Trung Quốc nên không biết là ai, gia đình S, P cũng không biết những người này; S được ứng 1.900CNY, P được ứng 2.400CNY).

Lần 2: Khoảng tháng 4/2021, có 06 người gồm Giàng Mí P; Giàng Mí C, năm sinh 2007 (em trai Giàng Mí P); Vừ Mí N, năm sinh: 2006 cùng trú tại thôn PPA, xã NT; Hờ Mí S, năm sinh 2006; Hờ Mí L, năm sinh 2006, cùng trú tại thôn PN, xã KV; Vừ Mí L, trú tại thôn NC, xã NT, huyện MV biết thông tin Giàng Mí V đưa người đi Trung Quốc làm thuê và đều được ứng trước tiền công lao động nên hỏi V về công việc và tiền công lao động ở Trung Quốc. Sau khi V cho biết công việc bên Trung Quốc là đào hố, bón phân, trồng cây, tiền công là 100NDT/01 ngày, làm tốt có thể nhận được 120NDT/01 ngày, 06 người lao động này đều đồng ý đi Trung Quốc làm thuê, nhưng đề nghị được ứng trước 3.000CNY đến 4.000CNY, V tiếp tục gọi điện cho chủ người Trung Quốc hỏi thì ông chủ cho biết chỉ cho ứng trước 2.000 CNY đến 3.000 CNY.

Khoảng 05 ngày sau, V hẹn 06 công dân trên tập trung tại chợ xã NS, rồi bắt xe khách đi ra thị trấn MV, trên đường đi V gọi điện thông báo cho ông chủ Trung Quốc biết V đang đưa 06 người đi, V được ông chủ dặn “xuống xe ở thị trấn MV rồi đi xuống sông NQ sẽ có người đón, nhưng không được đi đường cầu vì ở đó có cơ quan chức năng nên sợ bị phát hiện”. Theo lời dặn của ông chủ người Trung Quốc, sau khi xuống xe ở thị trấn MV, V đưa 06 người đi bộ xuống khu vực sông NQ, khi đi đến gần cầu TH thì dừng lại, V chỉ đường và dặn 06 người lao động cứ đi bộ xuống sông NQ rồi lội qua sông sang bờ bên kia sẽ có người đón, nhìn thấy 06 người này vượt qua sông thì V quay về nhà. Số người này sau khi được V hướng dẫn đã lội sang bờ bên kia của sông NQ đã gặp 01 người đàn ông đến đón, đưa đi bộ vượt biên giới Việt Nam - Trung Quốc giao họ cho người Trung Quốc đưa đến nơi làm việc.

Khoảng 15 ngày sau, người chủ Trung Quốc gọi điện bảo V đi lấy tiền công ứng trước cho những người đi lao động, ông chủ người Trung Quốc cho một người đàn ông lạ mặt số điện thoại của người này gọi điện bảo V đi ra thị trấn MV, ngã ba rẽ vào Khâu Vai để nhận tiền, lần này V nhận 15.500CNY. Về đến nhà, V gọi điện cho người nhà của 06 người lao động đến nhà V nhận tiền ứng, cụ thể: Giàng Mí P, Vừ Mí L mỗi người nhận 3.000CNY, Hờ Mí S, Hờ Mí L, Giàng Mí C mỗi người nhận được 2.000 CNY, còn lại Vừ Mí N được nhận 3.500CNY (theo lời dặn của người đàn ông lạ mặt). Giàng Mí V khai nhận chưa được hưởng tiền công đưa người lao động do ông chủ người Trung Quốc chi trả.

Sau khi những người được V và K đưa đi Trung Quốc làm thuê, có người được nhận tiền công, có người chỉ được nhận tiền ứng trước sau đó không được nhận tiền công lao động nữa. Trong đó, Ly Mí G là người không được thanh toán tiền công lao động như đã thỏa thuận nên khi về nước Ly Mí G đã viết đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Giàng Mí V đến Đoàn Biên phòng XC, huyện MV, tỉnh HG.

* Cáo trạng số 17/CT-VKSHG-P1, ngày 21/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HG truy tố bị cáo Giàng Mí V về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự;

Truy tố bị cáo Vừ Mí K về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 12/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh HG đã quyết định:**

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vừ Mí K phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vừ Mí K 07 (bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt với mức án 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh HG; buộc bị cáo Vừ Mí K phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 Bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 23/9/2023, bị cáo Vừ Mí K có đơn kháng cáo kêu oan.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo thay đổi nhận thức từ kêu oan sang Ta nhận hành vi phạm tội, bị cáo trình bày gia đình bị cáo sống ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, do tình hình dịch bệnh, không có công ăn việc làm nên khi thấy ông chủ người Trung Quốc cần người lao động, bị cáo chỉ nghĩ là đưa anh em, bạn bè đi làm thuê lấy tiền chi tiêu cho gia đình, bản thân những người đi làm thuê cũng chủ động đến nhờ bị cáo đưa đi chứ bị cáo không hề rủ rê, lôi kéo họ đi, bị cáo không được những người làm thuê này cho tiền và cũng chưa được ông chủ người Trung Quốc cho tiền; bị cáo không hiểu biết pháp luật nên nghĩ không phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá nội dung kháng cáo của bị cáo. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng đánh giá các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn sống ở vùng sâu vùng xa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết áp dụng cho bị cáo được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng Công an tỉnh HG, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HG trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng những người làm chứng gồm: Sùng Mí G, Giàng Mí C, Ly Mí G, Ly Mí S, Ly Mí P, Già Mí C, Ly Thị D, Vừ Mí L, Hờ Thị M, Vừ Mí C, Vừ Mí S, Già Thị D, Giàng Mí P, Vừ Mí N, Hờ Mí S, Hờ Mí L đều vắng mặt. Xét trong giai đoạn điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai của những người làm chứng, cho tham gia nhận dạng các bị cáo qua ảnh. Sau khi trở về Việt Nam đến nay những người lao động này đều đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn, thấy rằng việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Vừ Mí K không thừa nhận hành vi tổ chức đưa 10 công dân trốn sang Trung Quốc lao động làm thuê. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo Giàng Mí V đối chất với bị cáo K, tại buổi đối chất bị cáo K cho rằng không nhận ra người đối diện (tức bị cáo V) là ai, không quen biết người này; bị cáo Giàng Mí V khẳng định người được đối chất tên là K, nhà ở xã GCP, huyện MV, đồng thời V khai nhận V đã giao 05 người cho bị cáo K ở gần Chợ thị trấn MV, sau khi giao người V còn được đi cùng K một đoạn xuống khu vực sông NQ thì V mới quay lại, còn K tiếp tục đưa những công dân này trốn sang Trung Quốc làm thuê. Lời khai của V tại các giai đoạn tố tụng phù hợp với lời khai của 05 công dân V giao cho K gồm Sùng Mí G, Giàng Mí C, Ly Mí G, Vừ Mí C, Vừ Mí S. Trong số 05 công dân này, có Ly Mí G và Vừ Mí S nhận dạng được Vừ Mí K qua ảnh; đối với 05 công dân còn lại gồm Già Mí C, Ly Thị D (vợ C), Già Thị D (con gái C), Ly Mí P và Ly Mí S, lời khai của họ đều khẳng định được K trực tiếp trao đổi về công việc, tiền công, tiền ứng trước nếu họ sang Trung Quốc làm thuê, sau khi thống nhất thời gian, địa điểm K là người đưa 05 công dân này đi qua sông NQ thì gặp một tốp 05 người đang trốn ở đó, rồi K dẫn đường cả 02 tốp gồm 10 công dân theo đường mòn trốn sang Trung Quốc làm thuê. Đối với 05 công dân do K tự liên hệ, có Ly Mí S, Già Mí C, Ly Thị D nhận dạng được bị cáo Vừ Mí K qua ảnh. Cả 10 công dân được K dẫn đường trốn sang Trung Quốc mặc dù họ cư trú, sinh sống ở nhiều thôn, xã khác nhau trên địa bàn huyện MV, được cơ quan điều tra lấy lời khai theo thời gian, địa điểm khác nhau, không ai có mâu thuẫn gì với bị cáo K, nhưng họ khai trùng khớp với nhau về thời gian gặp nhau, địa điểm gặp nhau và cùng đường được K dẫn họ trốn sang Trung Quốc.

Ngoài ra, chị Hờ Thị M là người chung sống như vợ chồng với bị cáo V nhận dạng được bị cáo K qua ảnh. Chị M khẳng định ngoài tên gọi là K, một số người khác còn gọi là “K” hoặc “Bố T”, K cư trú tại xã GCP, huyện MV, có vợ là Hờ Thị

L (nội dung có nhiều tên gọi khác nhau bị cáo K xác nhận tại phiên tòa là đúng), chị M đã chứng kiến K đưa cho V 01 tập tiền Trung Quốc, bảo V ứng trước tiền công lao động cho những người đi làm thuê ở Trung Quốc. K đưa tiền cho V vào một bữa cơm tại nhà K, có chị M và chị L ăn cơm cùng. Lời khai của chị Hồ Thị M phù hợp với lời khai của chị Hồ Thị L (vợ K). Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2023, chị L xác nhận, khoảng đầu năm 2021, Giàng Mí V cùng vợ là Hồ Thị M đến nhà L chơi, trong lúc ăn cơm Vừ Mí K đưa cho Giàng Mí V một tập tiền, là tiền công cho một số người đi lao động ở Trung Quốc (loại tiền Trung Quốc).

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện việc cách ly giữa các bị cáo với nhau và giữa bị cáo K với người làm chứng Hồ Thị L, bị cáo V cùng chị L vẫn giữ nguyên lời khai về mối quan hệ với bị cáo K, thời gian địa điểm gặp bị cáo K khi V giao 05 công dân cho K; lần chị M đi cùng V đến nhà K để nhận tiền do ông chủ người Trung Quốc ứng tiền công cho người lao động. Đến khi bị cáo K đề nghị được đối chất với chị L (vợ bị cáo), chị L vẫn khẳng định có việc chị M cùng bị cáo V đến nhà chị chơi, ở lại ăn cơm và nhận tiền cho người lao động thì lúc này bị cáo K mới thừa nhận có được gặp chị M đi cùng một người đàn ông đến nhà chơi, nhưng không biết người đó có phải là bị cáo V hay không ?, bị cáo K không thừa nhận được đưa tiền cho người đàn ông đi cùng chị M, còn chị L thay đổi lời khai không nhớ ai là người đưa tiền của ông chủ Trung Quốc cho bị cáo V.

[2.2]. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi đưa một số người sang Trung Quốc đi làm thuê do được ông chủ người Trung Quốc nhờ bị cáo; bị cáo cho rằng việc thực hiện hành vi phạm tội là do những người lao động muốn đi sang Trung Quốc làm thuê nên có đến nhờ bị cáo giới thiệu, dẫn đi, bị cáo hoàn toàn không lấy của những người lao động này bất kỳ khoản tiền nào, cũng chưa được nhận từ ông chủ người Trung Quốc bất kỳ khoản tiền nào cho bị cáo. Đánh giá, đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo thấy phù hợp với lời khai của bị cáo Giàng Mí V, phù hợp với chính những người được bị cáo dẫn sang Trung Quốc làm thuê và hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ khác trong vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, thấy đã có đủ căn cứ xác định:

Do trước đây Giàng Mí V, Vừ Mí K đã từng trốn sang Trung Quốc lao động, làm thuê và được ông chủ trả tiền công đầy đủ. Khi về Việt Nam, ông chủ người Trung Quốc dặn V, nếu tìm được người lao động đưa sang Trung Quốc thì ông chủ sẽ trả tiền công 200CNY/1 người. Đa số những người lao động có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê biết được đã đến gặp Giàng Mí V, Vừ Mí K để hỏi thăm và được Giàng Mí V, Vừ Mí K đưa ra những thông tin về công việc, thu nhập, số tiền ứng trước cho người lao động theo chỉ dẫn của ông chủ. Sau khi thỏa thuận, thống nhất, các bị cáo V, K hẹn người lao động ngày, giờ tập trung, liên hệ với ông chủ người Trung Quốc bố trí người đưa, đón, dẫn lối, chỉ đường cho các công dân này lợi qua sông NQ, đi theo đường mòn biên giới Việt Trung, trốn sang Trung Quốc mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định. Cụ thể, khoảng tháng 3/2021, Giàng Mí V đưa một nhóm 05 người gồm Sùng Mí G, Giàng Mí C, Ly Mí G, Vừ Mí C, Vừ Mí S đến giao cho Vừ Mí K gần chợ trung tâm thị trấn MV, sau đó K cùng V đưa số người này đi tiếp một đoạn đến khu vực sông NQ, chỉ cho những người này lợi qua sông sang bên kia bờ ẩn nấp theo chỉ dẫn của ông chủ người

Trung Quốc, rồi V đi về nhà. Tiếp đó, Vừ Mí K quay lại thị trấn MV đón 05 người khác ở xã KV, huyện MV, gồm Già Mí C, Ly Thị D, Già Thị D, Ly Mí S, Ly Mí P là những người K tự liên hệ tìm được. K đưa 05 công dân này đến địa điểm 05 công dân được V giao đang trốn lực lượng chức năng ở bên kia sông NQ. Sau khi gộp 02 tốp công dân này lại, K đã dẫn đường đưa họ trốn sang Trung Quốc. Ngoài ra, khoảng tháng 4 năm 2021, bị cáo Giàng Mí V tự liên hệ rồi đưa 06 người gồm Giàng Mí P, Giàng Mí C, Vừ Mí N, Hờ Mí S, Hờ Mí L, Vừ Mí L đến khu vực sông NQ, chỉ đường cho họ lội qua sông theo lời dặn của ông chủ người Trung Quốc, sau đó V liên hệ qua điện thoại với ông chủ người Trung Quốc bố trí người đón 06 công dân này sang Trung Quốc lao động làm thuê. Sau đó một thời gian, bị cáo V đã 02 lần nhận tiền công ứng trước từ ông chủ người Trung Quốc cho người lao động để chuyển cho người thân của họ; lần thứ nhất bị cáo V cùng chị Hờ Thị M (chung sống như vợ chồng với V) sang nhà bị cáo K nhận 11.500CNY; lần hai bị cáo V nhận từ người đàn ông lạ mặt tại thị trấn MV.

Do có những hành vi như đã nêu trên, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về lĩnh vực nhập cảnh; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời điểm bệnh dịch Covid-19 đang bùng phát và còn nhiều diễn biến phức tạp. Vì vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh HG xét xử bị cáo Vừ Mí K về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 05 (năm) năm đến 10 (mười) năm tù là đúng người, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Bị cáo Vừ Mí K là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật rất hạn chế; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải. Xét bị cáo do có nhận thức pháp luật hạn chế, suy nghĩ của bị cáo thuần túy là giúp những người đến nhờ được đi lao động kiếm tiền để trang trải cuộc sống nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo chưa được hưởng bất cứ lợi ích vật chất gì. Mặt khác, số người lao động được bị cáo K đưa đi trốn sang Trung Quốc làm thuê chỉ là 05 người nhưng kết hợp với 05 người đón từ bị cáo V nên tổng số là 10 người. Đồng thời, xét tại cấp phúc thẩm do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử thấy việc chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật là có căn cứ.

Tổng hợp những phân tích nêu trên và thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ các Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Mí K. Sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo như sau:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Mí K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh HG; buộc bị cáo Vũ Mí K phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2022.

2. Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo (thông qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Sơn